TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HC-PT
Ngày: 05 - 8 - 2025
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường
Các Thẩm phán: bà Võ Thị Ngọc Dung
ông Phùng Anh Dũng

- *Thư ký phiên tòa*: bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 187/2025/TLPT-HC ngày 12 tháng 5 năm 2025 V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 260/2025/QĐ-PT ngày 18/7/2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Niê Hờ T, sinh năm 1983; địa chỉ: Buôn H, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là Buôn Hai R, xã S, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: bà Trần Thị Minh Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố C, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố C, xã S, tỉnh Đắk Lắk), có mặt tại phiên toà.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Đắk Lắk).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Đắk Lắk).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND huyện S: bà Nguyễn Hồng Sơn T1, chức vụ - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S, tỉnh Phú Yên (cũ), vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

3.3. Bà Lê Thị Thanh D1, sinh năm 1962; địa chỉ: khu phố N, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên; (nay là khu phố N, xã S, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

3.4. Ông Dương Ngọc T2, sinh năm 1990 và bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1997; địa chỉ: Buôn H, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là Buôn Hai R, xã S, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

Người kháng cáo: bà Niê Hờ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nội dung Đơn khởi kiện, trình bày của người khởi kiện thể hiện:

Nguồn gốc đất là do cha mẹ bà N Hờ Tưn khai hoang từ trước năm 1985. Đến năm 1998, cha mẹ của bà Niê H1 Tưn là ông Ma L, bà Mí L1 giao lại cho bà T canh tác sử dụng. Đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Việc ông Ma L và bà Mí L1 cho bà T diện tích đất không có giấy tờ gì.

Khoảng năm 2011, bà Niê Hờ T có cho ông Nguyễn Tư C canh tác hoa màu tại thửa đất nêu trên và ông Nguyễn Tư C xây trại để trông coi nên có Đơn xin xác nhận với Ban chỉ huy quân sự (BCHQS) huyện S, được BCHQS huyện S xác nhận: *"Khu vực đất ông C cất trại trông coi hoa màu là thuộc đất cơ quan quân sự quản lý"*. Đến năm 2017, hết thời gian cho thuê đất, được BCHQS huyện S xác nhận: *"Phần đất trên là của BCHQS huyện giao cho bà N1 H Tuân sử dụng, khi cần cơ quan lấy lại. Bà N1 H T3 cho thuê đất của ông Tư C cất trại trông coi hoa màu đến nay đã hết hợp đồng, đề nghị trả lại cho người cho thuê"*.

Năm 2017, giữa vợ chồng bà Niê Hờ T, sinh năm 1983, ông Ksor Y T4, sinh năm 1986; cùng trú tại Buôn H, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên với vợ chồng bà Trần Thị Minh Đ, trú tại Khu phố C, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên đổi đất rẫy theo Giấy đổi đất rẫy ngày 19/3/2017 (không có công chứng, chứng thực của chính quyền địa phương); phía Tây đất bà Niê H1 Tưn đổi đất với vợ chồng bà Đ giáp ông Ma R1, Ma C1 (thể hiện tại Giấy đổi đất). Sau đó, bà T có Đơn phản ánh BCHQS huyện S thì BCHQS huyện mời làm việc mới giao lại diện tích này cho bà T sử dụng, nhưng phải có lối đi lên khu vực quân sự. Từ năm 2018, ông Phan Hoàng T5 mở con đường này trên đất của bà Niê Hờ T. Vợ chồng bà Niê Hờ T, vợ chồng bà Trần Thị Minh Đ không có ý kiến gì, vì nghĩ là đất của

mình chỉ cho ông T5 múc đường đi vào khu quân sự và người dân có đất bên trong đi nhờ. Ông Phan Hoàng T5, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố D, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Bà Niê Hờ T là người trực tiếp dựng 16 trụ bê tông, trong đó 15 trụ kích thước (dài x rộng x cao): 10cm x 10cm x 2m và 01 trụ kích thước 20cm x 20cm x 4m và kéo lưới B40 để làm hàng rào. Trụ lớn bà N Hờ Tưn trồng từ năm 2017, việc bà T làm hàng rào xuất phát từ tháng 6/2024 ông Dương Ngọc T2 xây dựng nhà và sử dụng đất của bà T tự chừa làm đường đi, để làm đường đi vào nhà ông T2 nên bà T mới dựng thêm 15 trụ bê tông, rào lưới B40 khu đất của bà T và bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện S xử phạt vi phạm hành chính. Diện tích đất đã rào lại là của cha mẹ bà T sử dụng từ trước năm 1985 và giao cho bà T sử dụng đến nay nên Chủ tịch UBND huyện S xử phạt vi phạm hành chính là không có cơ sở.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết:

+ Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1739/QĐ-XPHC ngày 22/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S;

+ Hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 2111/QĐ-CCXP ngày 02/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S;

+ Hủy Quyết định sửa đổi Quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính số 2198/QĐ-SĐBSHB ngày 11/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S.

2. Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện S trình bày:

Ngày 19/8/2024, UBND thị trấn H có Tờ trình số 182/TTr-UBND về việc chuyển hồ sơ vi phạm hành chính của bà Niê Hờ T, trú tại Buôn H, thị trấn H, huyện S, nội dung:

Ngày 12/7/2024, UBND thị trấn H nhận Đơn khiếu nại của bà Lê Thị Thanh D1, trú tại Khu phố N, thị trấn H, huyện S, nội dung :*"Bà Lê Thị Thanh D1 có thửa đất số 325, tờ bản đồ số 34, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S cấp Giấy CNQSDĐ ngày 10/11/2023, trong giấy chứng nhận có thể hiện con đường đi rộng 10m, vị trí thửa đất tại buôn H, thị trấn H, huyện S. Đến tháng 7/2024 bà D1 tặng lại thửa đất này cho con trai là ông Dương Ngọc T2 để xây dựng nhà ở. Hiện tại ông T2 đã xây dựng nhà ở và đã đưa vào sử dụng. Không biết lý do gì mà ông Phan Hoàng P, trú tại Khu phố C, thị trấn H, huyện S tự ý làm hàng rào phía trước nhà con trai bà D1 là ông Dương Ngọc T2, làm cho gia đình ông T2 không có lối đi".*

Ngày 15/7/2024, UBND thị trấn đến tại thửa đất số 17 (hiện là con đường mòn dân sinh nay bà Hờ T đang làm hàng rào lại) kiểm tra, xác minh thì không phải ông Phú R2 mà vợ chồng bà Niê Hờ T và ông Ksor Y T4 ở buôn H, thị trấn

H làm hàng rào, không những rào phía trước nhà ông T2 mà còn rào rất nhiều lô đất phía bên trong đường đi, hiện nay có một số chủ hộ đất tại vị trí này chưa xây dựng nhà ở. Chiều dài của hàng rào là 35m, vật liệu bằng lưới B40 và 17 trụ bê tông.

Ngày 17/7/2024, UBND thị trấn H làm việc với ông Phan Hoàng T5, khu phố D, thị trấn H là người sang nhượng lại thửa đất số 325, tờ bản đồ số 34 cho bà D1, ông T5 trình bày: Nguồn gốc của thửa đất này là của ông Ma R1, buôn H, ông T5 mua lại vào năm 2018, đến khoảng năm 2020-2021 ông T5 sang nhượng lại cho bà D1 khi đó đã có con đường đất và chưa có hàng rào như bây giờ.

Ngày 18/7/2024, UBND thị trấn H làm việc với bà Niê Hờ T vận động bà Hờ T tháo dỡ hàng rào, trả lại hiện trạng ban đầu của thửa đất, nhưng bà Niê Hờ T không đồng ý tháo dỡ. UBND thị trấn H yêu cầu bà Niê H1 Tưn cung cấp giấy tờ có liên quan thửa đất, trong thời gian 03 ngày kể từ ngày làm việc để UBND thị trấn xem xét giải quyết nhưng bà Niê Hờ T không có giấy tờ để cung cấp.

Ngày 30/7/2024, UBND thị trấn H tổ chức cuộc họp và mời các Hội đoàn thể tham gia vận động bà N Hờ Tưn tháo dỡ hàng rào, trả lại thửa đất số 17 (con đường mòn dân sinh) như hiện trạng ban đầu. Nếu bà Niê Hờ T không tháo dỡ là vi phạm pháp luật về đất đai, bà Hờ T có ý kiến về nhà trao đổi với chồng là ông Y T4 để quyết định có tháo hay không tháo dỡ hàng rào. Ngày 31/7/2024, bà Hờ T có đến UBND Thị trấn trả lời là vợ chồng bà không tháo dỡ hàng rào; đồng thời, bà Niê H1 Tưn cung cấp GCNQSDĐ, số vào sổ cấp GCN: CS 08307 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 08/11/2018. Tuy nhiên, thửa đất này không liên quan đến vị trí mà bà Hờ T làm hàng rào.

Ngày 12/8/2024, UBND thị trấn làm việc với bà Hờ T nhằm làm rõ một số nội dung theo yêu cầu của Phòng Tư pháp huyện, qua làm việc bà Hờ T trình bày: khi tôi làm hàng rào có ai nhìn thấy hay không thì tôi không biết, còn vật liệu làm hàng rào là tôi nhờ ông Phan Hoàng P mua dùm cho tôi.

Ngày 13/8/2024, UBND thị trấn làm việc bà Lê Thị Thanh D1 trình bày: khoảng tháng 6/2024, tôi có đến nơi con tôi là ông T2 đang xây dựng nhà ở, tôi có nhìn thấy ông P chở vật liệu đến để làm hàng rào, hôm sau tôi đến có nhìn thấy vợ chồng bà H1 Tưn làm hàng rào, tôi nghĩ là ông P thuê vợ chồng bà H1 Tưn làm, nhưng thời gian sau này UBND thị trấn làm việc cụ thể là không phải ông P làm hàng rào mà Hờ Tưn làm hàng rào, đó là lý do tại sao trong Đơn khiếu nại tôi viết là ông P làm hàng rào.

Ngày 15/8/2024, UBND thị trấn làm việc với ông Dương Ngọc T2, ông Thể xác N2 là có nhìn thấy vợ chồng bà H1 Tưn làm hàng rào tiếp giáp với cửa ngõ nhà tôi làm cho gia đình tôi không có lối đi ra vào nhà, phải đi nhờ qua đất người khác.

Như vậy, hành vi của bà Niê H1 Tưn tự ý làm hàng rào gây cản trở cho việc sử dụng đất của người khác là vi phạm pháp luật về đất đai.

Khoản 3, khoản 4 Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (được sửa đổi tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ).

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, không áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì bà Niê Hờ T được tính mức trung bình là 7.500.000 đồng.

Áp dụng khoản 4 Điều 16 Nghị định này quy định: biện pháp khắc phục hậu quả là: buộc khôi phục lại hiện trạng ban đầu của thửa đất trước khi vi phạm...;

Với nội dung trên, UBND thị trấn H chuyển hồ sơ đến Chủ tịch UBND huyện S xem xét ra Quyết định xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

Sau khi có Báo cáo của Phòng Tư pháp, Chủ tịch UBND huyện đã ký Quyết định số 1739/QĐ-XPHC ngày 22/8/2024 xử phạt vi phạm hành chính. Quá thời gian quy định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bà Niê Hờ T vẫn không nộp phạt và thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 12/9/2024 UBND thị trấn có Báo cáo số 189/BC-UBND về việc theo dõi, đôn đốc thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Niê Hờ T, buôn H. Qua báo cáo bà T đã không tự nguyện chấp hành quyết định và đề xuất UBND huyện ban hành Quyết định cưỡng chế. Ngày 02/10/2024, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2111/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Sau khi ban hành quyết định, UBND huyện phát hiện tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 2111/QĐ-CCXP có sai sót về tờ bản đồ và địa chỉ của thửa đất, nên đã ban hành Quyết định số 2198/QĐ-SĐBSHB ngày 11/10/2024 sửa đổi quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính.

Nay bà Niê H1 Tưn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 1739/QĐ-XPHC ngày 22/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện S về xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 2111/QĐ-CCXP ngày 02/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện S cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 2198/QĐ-SĐBSHB ngày 11/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện S về sửa đổi quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính là không có cơ sở.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND thị trấn H trình bày:

Thửa đất số 55, tờ bản đồ 98 đã được cấp GCNQSDĐ cho bà Niê H, ông Ksor Y T4 (bà T đã chuyển đổi thửa đất này cho vợ chồng bà Trần Thị Minh Đ) thể hiện phía Tây thửa đất số 55 có con đường đi rộng 10m. Quá trình sử dụng vợ

chồng bà T không có khiếu nại, ý kiến gì về việc cấp giấy chứng nhận này. Do đó, UBND thị trấn H thống nhất ý kiến của Chủ tịch UBND huyện S, việc bà Niê H1 Tưn khởi kiện là không có cơ sở.

3.2. Bà Lê Thị Thanh D1, vợ chồng ông Dương Ngọc T2, bà Lê Thị Mỹ H thống nhất trình bày:

Năm 2019, bà Lê Thị Thanh D1 nhận chuyển nhượng thửa đất nông nghiệp. Năm 2023 bà D1 thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S cấp GCNQSDĐ số DL 376940 ngày 10/11/2023 đối với thửa đất số 325, tờ bản đồ số 34, diện tích 100m^2, loại đất: đất ở và GCNQSDĐ số DL 376938 ngày 10/11/2023 đối với thửa đất số 324, tờ bản đồ số 34, diện tích 110m^2, loại đất: đất trồng cây hằng năm khác. Từ khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho đến nay, phía Đông thửa đất đã có con đường đất, về chiều rộng con đường thì các ông bà không biết vì không đo đạc; trên GCNQSDĐ thể hiện con đường rộng 10m, đây là con đường duy nhất vào thửa đất của bà D1.

Ngày 10/7/2024, bà Lê Thị Thanh D1 tặng cho vợ chồng con trai, con dâu là Dương Ngọc T2, Lê Thị Mỹ H để xây dựng nhà ở. Cũng vào khoảng tháng 7/2024, vợ chồng ông Dương Ngọc T2 và bà Lê Thị Mỹ H xây dựng nhà ở thì bà N Hờ Tưn dựng trụ bê tông, kéo rào lưới B40 chắn lối đi nêu trên nên báo với chính quyền địa phương thì bà Niê Hờ T bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S xử phạt vi phạm hành chính và khởi kiện tại Tòa án. Hiện nay, gia đình ông T2, bà H phải đi nhờ đất người khác mới vào nhà được.

Về yêu cầu khởi kiện của bà Niê Hờ T, bà D1, vợ chồng ông T2, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

4. Người làm chứng ông Nguyễn Tư C trình bày:

Năm 2011, tôi (C) thuê đất của bà Niê Hờ T, địa chỉ thửa đất: Buôn H, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên, không biết rõ diện tích vì được bà T chỉ thì biết là đám rẫy. Tôi (C) thuê đất để trồng hoa màu, khi bà T cho tôi (C) thuê đất thì không đưa bất kỳ giấy tờ nào liên quan đến quyền sử dụng đất. Về tứ cận thửa đất tôi (C) thuê của bà T để canh tác: phía Đông - giáp đất ai ông C không biết; phía Bắc - giáp đường bê tông; phía Nam - giáp đất công sự; phía Tây - giáp đường mòn lối lên đất công sự, không biết chính xác kích thước nhưng máy cày, ô tô đi được con đường này, đường mòn nằm giữa đất tôi thuê và đất của Ma R1 chính là con đường mà bà T dựng rào bị Chủ tịch UBND huyện S xử phạt vi phạm hành chính. Phần diện tích tôi (C) thuê của bà T không bao gồm đường đi hiện nay mà bà T dựng rào bị Chủ tịch UBND huyện S xử phạt vi phạm hành chính, phần công trình trại của tôi xây dựng cũng không thuộc diện tích đất hiện nay là con đường

bà T dựng rào và bị xử phạt vi phạm hành chính. Còn về nguồn gốc đất tôi (C) không biết.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348; khoản 1 Điều 358 Luật Tố tụng Hành chính. Khoản 2 Điều 38; Điều 54; Điều 58; Điều 59 và Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi bổ sung năm 2020). Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Khoản 4 Điều 16; khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà **Niê Hờ T** về các yêu cầu:

+ Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1739/QĐ-XPHC ngày 22/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S;

+ Hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 2111/QĐ-CCXP ngày 02/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S;

+ Hủy Quyết định Sửa đổi quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính số 2198/QĐ-SĐBSHB ngày 11/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S.

Vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 16/01/2025, bà Niê Hờ T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Niê Hờ T trình bày giữ nguyên Đơn khởi kiện, Đơn kháng cáo. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Niê Hờ T, sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận Đơn khởi kiện.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của bà Niê Hờ T là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định bác Đơn khởi kiện

của bà Niê H1 Tưn là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Niê H1 Tưn kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho kháng cáo là đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Niê Hờ T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 16/01/2025, bà Niê Hờ T kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Như vậy, kháng cáo của bà Niê Hờ T là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Niê Hờ T:

[2.1] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 14/10/2024, bà Niê H1 Tưn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên yêu cầu giải quyết huỷ các quyết định: Quyết định số 1739/QĐ-XPHC ngày 22/8/2024; Quyết định số 2111/QĐ-CCXP ngày 02/10/2024 và Quyết định số 2198/QĐ-SĐBSHB ngày 11/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S. Như vậy, Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2.2] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 982131, số vào sổ cấp GCN: CS 08307 ngày 08/11/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp cho bà N Hờ Tưn, ông Ksor Y T4 đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ 98 (thửa đất này vợ chồng bà Niê Hờ T đã hoán cho vợ chồng bà Trần Thị Minh Đ), hiện tại thửa đất số 55 vợ chồng bà Trần Thị Minh Đ, ông Phan Hoàng P đang sử dụng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện phía Tây thửa đất số 55, tờ bản đồ 98 là con đường rộng 10m. Tại thời điểm nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, vợ chồng bà N Hờ Tưn không có ý kiến khiếu nại gì.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL 376940, số vào sổ cấp GCN: CN 11041 ngày 10/11/2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện S cấp cho bà Lê Thị Thanh D1 đối với thửa đất số 325, tờ bản đồ số 34, địa chỉ: Buôn H, huyện S, tỉnh Phú Yên, hiện vợ chồng ông Dương Ngọc T2 (con bà D1) đang sử dụng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thể hiện phía Đông thửa đất số 325 là con đường rộng 10m.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/11/2024 thể hiện 16 trụ bê tông (không tính trụ bê tông dùng cho việc kéo đường dây điện), kéo lưới B40

làm hàng rào chiều dài 35m, bịt lối đi từ nhà ông Dương Ngọc T2 ra đường, làm cản trở việc sử dụng đất của gia đình ông Dương Ngọc T2, bà Lê Thị Mỹ H.

[2.3] Người làm chứng là ông Nguyễn Tư C trình bày: "*Về tứ cận thửa đất tôi (C) thuê của bà T để canh tác, phía Đông giáp đất ai ông C không biết; phía Bắc giáp đường bê tông; phía Nam giáp đất công sự; phía Tây giáp đường mòn lối lên đất công sự, không biết chính xác kích thước nhưng máy cày, ô tô đi được con đường này, đường mòn nằm giữa đất tôi thuê và đất của Ma R1 chính là con đường mà bà T dựng rào bị Chủ tịch UBND huyện S xử phạt vi phạm hành chính. Phần diện tích tôi (C) thuê của bà T không bao gồm đường đi hiện nay mà bà T dựng rào bị Chủ tịch UBND huyện S xử phạt vi phạm hành chính*".

[2.4] Theo Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định: *"3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp đào bới, xây tường, làm hàng rào gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác"*.

UBND thị trấn H ban hành Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 23/7/2024 và Tờ trình số 182/TTr-UBND ngày 19/8/2024 V/v chuyển hồ sơ vi phạm hành chính đối với bà Niê Hờ T, buôn H, thị trấn H đến Chủ tịch UBND huyện S xem xét theo quy định của pháp luật. Ngày 22/8/2024 Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1739/QĐ-XPHC; ngày 02/10/2024 ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 2111/QĐ-CCXP và ngày 11/10/2024 ban hành Quyết định sửa đổi quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính số 2198/QĐ-SĐBSHB là đúng quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự và với những nội dung được phân tích tại các mục [1] và [2] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: kháng cáo của bà Niê Hờ T là không có căn cứ, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Niê Hờ T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: bà Niê Hờ T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Bác kháng cáo của bà Niê Hờ T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348; khoản 1 Điều 358 Luật Tố tụng Hành chính. Khoản 2 Điều 38; Điều 54; Điều 58; Điều 59 và Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi bổ sung năm 2020). Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Khoản 4 Điều 16; khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà **Niê Hờ T** về các yêu cầu:

+ Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1739/QĐ-XPHC ngày 22/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S;

+ Hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 2111/QĐ-CCXP ngày 02/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S;

+ Hủy Quyết định Sửa đổi quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính số 2198/QĐ-SĐBSHB ngày 11/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S.

Vì không có căn cứ pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: bà **Niê Hờ T** phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền bà **Niê Hờ T** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007055 ngày 21/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên **(**nay là **THADS tỉnh Đ**).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Võ Thị Ngọc Dung **Phùng Anh Dũng** **Trần Quốc Cường**